

QUYẾN THUỘC BỘ

I. MƯỜI HAI THẦN TƯỚNG CỦA ĐỨC DƯỢC-SƯ

Mười hai thần tướng của Đức Dược-Sư là các phân thân của Đức Dược-Sư Như-Lai, hoặc là quyến-thuộc của Ngài, tức các vị thủ-hộ vây quanh Ngài.

Mười hai vị này cũng là 12 Dược-xoa đại-tướng, hoặc 12 thần-minh, thuận ứng với 12 đại-nguyên của Đức Dược-Sư Như-Lai mà hoá hiện thân Yết-ma.

Trong *Dược-Sư Bốn-Nguyên Công-Đức Kinh* có nói: “Bạch Thế-tôn! Nay chúng con mong nhờ uy-lực của Phật-đà, được nghe danh-hiệu của đức Dược-Sư Như-Lai chẳng sợ ác thú, chúng con quản-lãnh nhau, đều đồng-tâm, đem hết thân mạng quy-y Phật-Pháp-Tăng, thề sẽ gánh vác tất cả các giống hữu-tình, làm mọi việc nghĩa-lợi, khiến cho họ được lợi-ích, an-lạc.

Do đó, ta có thể biết rằng 12 vị thần tướng này của Đức Dược-Sư, ngày đêm 12 thời làm thần hộ-pháp; trên đầu quý Ngài đội mũ 12 chi để tiêu-biểu điều này. Căn cứ vào đó mà trong *Dược-Sư Quán Hạnh Nghi Quỹ* có nêu rõ tên họ của 12 vị thần-tướng, hình tượng, vật cầm tay của chư vị, v.v... như sau:



Đức Tỳ-Yết-La Đại Tướng
像將大羅羯毘

1. Tỳ-yết-la đại-tướng (H.97): bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Thích-Ca Như-Lai. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Tý. Thân màu xanh, hiện hình phẫn-nộ, đầu đội mũ chuột. Tay phải buông xuống cầm cái cổ mỗi đầu có ba móc, tay trái làm động-tác kéo ống tay áo bên phải lên.

2. Chiêu-đổ-la đại-tướng: bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Kim-Cang Thủ Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Sửu. Thân màu đỏ, hiện hình phẫn-nộ, đầu đội mũ trâu. Tay phải cầm kiếm ngang, bàn tay trái nắm mũi kiếm.

3. Châu-đạt-la đại-tướng: bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Phổ-Hiền Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Dần. Hiện dung-mạo cười giận. Đầu đội mũ cọp. Tay phải cầm bảo châu, tay trái cầm gậy báu.

4. Ma-hổ-la đại-tướng: bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Dược-Sư Như-Lai. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Mão. Thân màu xanh, có tướng hơi phẫn-nộ. Đầu tóc màu đỏ, dựng đứng lên cao, trên đầu có mũ thỏ. Tay phải nắm lại để ở thắt lưng, tay trái cầm búa.

5. Ba-di-la đại-tướng: bổn-địa của vị đại-tướng này là Đức Văn-Thù Bồ-tát. Ngài là thần thủ hộ của giờ Thìn. Thân màu trắng, dung-mạo phẫn-nộ. Đầu đội mũ rồng. Tay phải co lại

như đang gài tên lên cung, tay trái cầm cung.

6. Nhân-đạt-la đại-tướng: bốn địa của vị đại-tướng này là Đức Địa-Tạng Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Tị. Thân màu đỏ, đầu đội mũ rắn. Tay phải co lại, bàn tay mở ra để lên ngực, tay trái cầm kích ba chĩa.

7. San-đế-la đại-tướng: bốn-địa của vị đại-tướng này là Đức Hư-Không Tạng Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Ngọ. Thân màu đỏ, hiện hình phẫn-nộ. Đầu đội mũ ngựa. Tay phải cầm kích ba chĩa, tay trái cầm loa cụp.

8. Ngạch-nễ-la đại-tướng: bốn-địa của vị đại-tướng này là Đức Ma-lợi-chi Thiên. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Mùi. Thân màu trắng, hiện hình phẫn-nộ. Đầu tóc dựng lên, đội mũ dê. Tay phải cầm tên bằng lông vũ, tay trái cầm đuôi mũi tên (uốn cong mũi tên thành hình cánh cung).

9. Am-đế-la đại-tướng: bốn-địa của vị đại tướng này là Đức Quán Thế-Âm Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Thân. Thân màu đỏ, hiện tướng rất phẫn-nộ, đầu đội mũ khỉ. Tay phải co lại đặt trước ngực, bàn tay hướng ra ngoài. Tay trái co lại, mở bàn tay hướng lên như đang phóng bửu-châu.



Đức Cung-Tỳ-La Đại Tướng
像將大羅企迷

10. Mê-xí-la đại-tướng: bốn địa của vị đại-tướng này là Đức A-Di-Đà Như-Lai. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Dậu. Thân màu đỏ, hiện hình phẫn-nộ, đầu đội mũ gà. Tay phải cầm độc cổ, tay trái nắm lại, áp vào dưới bụng.

11. Phật-chiết-la đại-tướng: bốn-địa của vị đại-tướng này là Đức Thế-Chí Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Tuất. Thân màu xanh, hiện hình phẫn-nộ. Đầu tóc tốt dựng thẳng lên, đội mũ chó. Tay phải cầm kiếm, tay trái nắm lại đặt ở thắt lưng.

12. Cung-tỳ-la đại-tướng (H.98): bốn-địa của vị đại-tướng này là Đức Di-Lặc Bồ-tát. Ngài là thần thủ-hộ của giờ Hợi. Thân màu đỏ, hiện hình phẫn-nộ, đầu đội mũ heo. Tay phải cầm đao lớn đặt ngang trên đầu, bàn tay trái mở ra đặt ở thắt lưng.

II. MƯỜI SÁU THIÊN-THẦN THỦ-HỘ BÁT-NHÃ

Mười sáu thiện-thần thủ-hộ Bát-nhã là mười sáu Dạ-xoa thủ-hộ kinh *Đại Bát-Nhã*. Xưa nay, bất luận là Hiến hay Mật-giáo, hễ có trường-hợp nào niệm tụng kinh *Đại Bát-Nhã* thì trước hết hãy nên an-trí tượng của các thiện-thần này. Ngoài ra khi cúng dường các loại đàn này, trước hết nên chọn phân tịnh-ngưu hoà với bùn thơm pha nước nóng, tô trên mặt đất, dùng phấn ngũ-sắc làm thành ba lớp vách. Nơi trung tâm an vị Ngài Bát-Nhã Ba-la-mật Bồ-tát. Bên trái Ngài là tượng Đế-thích Thiên, bên phải là Phạm-ma Thiên. Mặt đông thì bố trí Sứ-giả, mặt tây thì đặt Trì-minh giả. Tại bốn phương của lớp ngoài thứ nhất đều phối-trí bốn thần-vương, cộng với 16 vị thiện-thần này thì vô cùng trang-nghiêm.

Xét về tên gọi và hình-tượng của 16 thiện-thần này thì khác nhau rất nhiều. Nhưng căn-cứ vào hình-thể của 16 thiện-thần Bát-nhã trong Tam-Tạng Kim-Cang Trí thì các vị ấy được đề-cập đến như sau:

1. Đề-đầu Lại-trạch Thiện-thần: vị thiện-thần này với một trong Trí Thiên-vương, tức Trì-Quốc Thiên-vương là đồng thể mà khác tên.

2. Tỳ-lô-lặc-xoa Thiện-thần: vị thiện-thần này với một trong Trí Thiên-vương, tức Tăng-trưởng Thiên là đồng thể mà khác tên.

3. Tối-phục độc-hại Thiện-thần: vị thiện-thần này có hình tượng há to miệng, hiện hình phần-nộ, thân mặc giáp trụ. Tay phải cầm đại đao, tay trái co lại để ngang ngực. Ngón giữa, áp út và út cùng để hơi cong cong, còn ngón cái và trỏ chụm lại thành hình tròn. Thân màu đỏ.

4. Tăng-ích thiện-thần: vị thiện-thần này cũng há miệng, hiện hình phần-nộ. Thân mặc áo dày dát đồng. Tay phải cầm đại đao để ngang, tay trái cầm nhẹ mũi đao, thân màu đỏ.



Đức Sư-Tử Uy-Mãnh Thiện Thần
像神善猛威子獅

5. Sư-tử uy-mãnh thiện-thần: đầu đội mũ báu sư-tử. Tay phải giơ lên; ngón giữa, áp út và út để thẳng, ngón cái và trỏ chụm lại thành vòng tròn. Tay trái cầm búa. Thân màu da thịt (H.99).

6. Dũng-mãnh tâm-địa thiện-thần: há miệng, hiện hình phần-nộ. Tay phải buông xuống, cầm một cái trống. Tay trái làm động tác kéo ống tay áo bên phải.

7. Nhiếp-phục chư-ma thiện-thần: há miệng, hiện hình phần-nộ. Thân màu đen, mặc giáp trụ. Tay phải cầm kiếm để ngang, tay trái dè mũi kiếm.

8. Năng cứu chư-hữu hỷ-thần: thân toàn màu trắng, mặc giáp trụ. Tay phải co lại, mở bàn tay để ngang ngực và hướng lòng bàn tay ra ngoài. Tay trái cầm phật-chiết-la.

9. Ly-nhất-thiết bố-úy thiện-thần: thân mặc giáp trụ. Tay phải cầm tên, tay trái cầm cung.

10. Cứu-hộ nhất-thiết thiện-thần: hình tượng của vị thiện-thần này rất giống Tỳ-sa-môn Thiên. Tay phải cầm gậy báu; tay trái co lại, giơ lên, ngón út và ngón vô-danh áp với ngón cái làm thành hình tròn; ngón giữa, và ngón trỏ thẳng ra. Thân màu trắng-xanh.

11. Phệ thất-la-ma-noa thiện-thần: vị thiện-thần này giống như một trong Trí thiên-vương, tức Tỳ-sa-môn Thiên, là đồng-thể khác tên.

12. Tỳ-lô-bác-xoa thiện-thần: vị thiện-thần này với một trong Trí thiên-vương, tức Quảng-mục-thiên, là đồng thể khác tên.

13. Bạt-trừ tội-khổ thiện-thần: há to miệng, giận dữ, răng nanh mọc lòi ra, nửa mình trần. Tay phải cầm kích ba chĩa, tay trái nắm lại đặt ở thắt lưng. Thân màu vàng đỏ.

14. Năng-nhẫn thiện-thần: thân màu vàng, mặc giáp trụ; hai tay cầm ống tiêu, chuôi ống tiêu chắm đất.

15. Hoan-hỷ thiện-thần: miệng ngậm chặt, hiện hình phần nộ. Thân màu lục, mặc giáp trụ. Tay phải cầm kiếm để ngang, tay trái dè mũi kiếm.

16. Trừ nhất-thiết chướng nạn thiện-thần: hiện hình đại phần nộ, thân màu vàng, tóc đều dựng đứng. Tay phải cầm búa, tay trái duỗi năm ngón hướng vào trong chạm sát người.



Từ Nhất-Thiết Chướng Nạn Thiện Thần
像神善離障切一除

III. HAI MƯƠI TÁM BỘ CHÚNG QUÁN-ÂM:

Hai mươi tám bộ chúng Quán-Âm là hai mươi tám bộ Thiên-thần thường hầu Bồ-tát Quán-Âm có ngàn tay ngàn mắt, là những vị ủng-hộ phương-tiện công-đức cho những ai thọ-trì Bồ-tát này.

Tướng tốt và tên gọi của chư-vị đó thì trong *Thiên-Thủ Quán-Âm Tạo Thứ Đệ Nghi Quỹ* có ghi, nay xin liệt kê tên gọi của các Ngài như sau:

1. Mật-tích Kim-cang sĩ
2. Ô-sô Quân-trà-ương-câu-thi bát bộ lực-sĩ thượng ca-la.
3. Ma-ê na-la diên.
4. Kim-tỳ-la-đà ca-la.
5. Bà-ngự-bà lâu-la.
6. Mãn-thiện-xa-bát-chân-đà-la.
7. Tát-già-ma-hoà-la.
8. Cửu-lan-đan-xá-bán-chi-la.
9. Tát-bà ca-la vương.
10. Ứng-đắc-tỳ-đa-tát-hòa-la.
11. Phạm-ma-tam-bát-la.
12. Ngũ bộ tịnh-cư viêm ma-la.
13. Thích-vương tam thập tam.
14. Đại biện công-đức bà-đát-na.
15. Đề-đầu-lại-xa vương.
16. Thân-mẫu nữ.
17. Tỳ-lâu-lặc xoa.
18. Tỳ-lâu-bác-sa vương.
19. Tỳ-sa môn vương.
20. Kim-sắc khổng-tước vương.
21. Nhị thập bát bộ-chúng đại tiên chúng thượng đầu Y-sá-na thần.
22. Ma-ni bạt-đà-la.

23. Tán-chỉ đại tướng phát la-bà.
24. Nan-đà, Bạt-nan-đà, Bà-gia-la, Y-bát-la.
25. Tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già.
26. Thủy-hoả lôỉ điển thần.
27. Cửu-bàn-trà vương.
28. Tỳ-xá-xà.

Hiện tại, người ta không căn-cứ vào danh-sách trên, mà nói chung, người thế-gian dựa vào các truyền-thuyết nói về tôn-danh bốn-thệ và các vật cầm tay của chư vị, nay xin lược thuật như sau:

1. Bà-tẩu tiên nhân: tên chữ Phạm của Ngài là Bà-tẩu, hoặc Bà-giu. Nguyên Ngài là một Phạm-sĩ trong số các Phụng-sĩ Bà-la-môn giáo. Ngài ở tại am Kiết-thảo nơi chân núi Phổ-đà-sơn. Ngài chuyên lạy trời, lại làm việc sát sanh. Sau khi bị buộc tội, đọa vào địa ngục, trải qua vô lượng kiếp phải chịu đau khổ. Nhân may-mắn được ánh quang-minh của Hoa-tụ Bồ-tát, dần dần Ngài được hầu cận bên trái đức Quán-Âm một ngàn tay. Hình tượng Ngài là hình tiên nhân, mặc áo rách, đi chân không. Tay trái cầm gậy; tay phải bắt đầu giở lên làm động tác như đang đánh đàn.

2. Đại-biên công-đức Thiên: vị này là biệt-danh của Kiết-tướng Thiên. Bốn-thệ của Ngài là bố-thí công-đức của mình cho tất cả chúng sanh: bảo châu như-ý của Ngài cầm trong tay trái có thể xuất ra vô lượng và vô hạn tài-bảo. Hình tượng đứng với dáng điệu tự-nhiên.

3. Na-la-diên kiên-cố: vị này đồng-thể với Na-la-diên trong Thiên-bộ. Hình tượng đứng của Ngài trong 28 bộ chúng này thì cánh tay trái giở lên, tay phải duỗi ra.

4. Mật-tích Kim-cang: đồng thể với Kim-cang lực-sĩ. Hình tượng Ngài trong 28 bộ chúng này thì bàn tay trái nắm lại để ở thất lưng. Tay phải co lại, bàn tay xoè ra, hướng lòng bàn tay ra ngoài.



Đức Kim-Sắc Không-Tức vương
像王雀孔色金

5. Đại-phạm Thiên-vương: đồng thể với Phạm-thiên. Hình tượng Ngài trong 28 bộ chúng này thì tay trái cầm khí-giới buông thông xuống; tay phải giở lên, ngón giữa và ngón áp út co lại.

6. Đế-thích Thiên-vương: vị Thiên-vương này đồng thể với Đế-thích trong thập nhị Thiên. Hình tượng đứng của Ngài ở đây thì bàn tay trái nắm lại để ngang thất lưng, tay phải cầm gương soi.

7. Ma-ê-thủ-la Thiên: đồng thể với Đại Tự-tại Thiên. Tay trái cầm gậy, trên đầu gậy có một lông chim. Tay phải giở lên, bàn tay mở ra. Hiện tượng phẫn-nộ.

8. Đông-phương Thiên: đồng thể với Trì quốc Thiên. Vì nhiệm-vụ của Ngài là phụ trách việc thủ-hộ phương đông nên gọi tên như vậy. Hình tượng của Ngài thì tay trái áp vào thất lưng; bàn tay phải nắm lại, giở cao lên.

9. Kim-sắc khổng-tước Vương (H.101): đồng với Khổng-tước Minh-vương. Trong bộ Minh-vương thì Ngài là tượng nữ-thần xinh đẹp. Lúc ở trong 28 bộ chúng này, Ngài hoá hiện làm một vị nam thần dũng-mãnh, tay cầm đại đao mà đứng.

10. Tỳ-lâu lạc-xoa: đồng thể với Tăng-trưởng Thiên trong Tứ-thiên vương. Hình tượng Ngài ở đây, thì tay trái buông xuống; tay phải giơ lên, cầm chày một mũi nhọn.

11. Tỳ-sa-môn Thiên: đồng thể với Đa-văn Thiên ở phương bắc. Ngài là một vị trong Trí-thiên vương. Tượng Ngài ở đây thì tay trái giơ lên, bưng giữ tháp báu; tay phải cầm kích ba chĩa.

12. Tỳ-lô-bác-xoa: đồng với Quảng-mục Thiên, ở phương tây, một vị trong Trí-thiên Vương. Tượng Ngài ở đây thì tay trái giơ lên, cầm kích ba chĩa; tay phải duỗi ra phía trước, cầm chày một mũi nhọn.

13. Ma-hòa-la nữ: nguyên tên là Tát-già-ma-hòa la, lai lịch của Ngài chưa được rõ. Tượng là hình nữ đứng, hai tay chấp lại.

14. Mãn-thiện-xa vương: nguyên tên là Mãn-thiên xa chân-đà-la. Tay phải cầm chùy; tay trái cầm răn. Truyền- thuyết nói rằng: Ngài với Đại Hắc-thiên là đồng-thể mà khác tên.

15. Thần-mẫu thiên: Một thuyết nói rằng: “Ngài là mẹ của A-lợi-đế mẫu. Thuyết khác thì nói Ngài với A-lợi-đế-mẫu là đồng-thể mà khác tên. Tượng có hai tay đánh xập xỏa trong tư thế đứng rất ngay ngắn.

16. Ngũ bộ tịnh: Nguyên tên là Ngũ-bộ tịnh-cư Viêm-ma-la. Ngài là bậc Thánh ở cõi trời Trí-thiên trong Sắc-giới. Truyền-thuyết nói: Ngài là hợp thể của Ngũ bộ tôn, tức là con của Tự-tại Thiên, Phổ-hoa Thiên, Ý-sanh Thiên, Biến-âm Thiên và Quảng-mục Thiên, hợp nhất. Hình tượng đứng của Ngài thì tay phải cầm đại đao; tay trái co bàn tay, cầm bửu châu.

17. Nan-đà long-vương: Tên chữ Phạm của Ngài là Nan-đà, dịch là Hoan-hỷ. Ngài đứng đầu trong số tám đại long-vương, làm chủ-tể của đại-dương rộng lớn, trong trời, không bờ bến. Truyền thuyết nói rằng: Ngài là quyến-thuộc của Thủy-thiên. *Pháp-Hoa Quang-Trạch Sớ* nói: Nan-đà Hoan-hỷ, Bạt-nan-đà là Thiện hoan-hỷ, biến thành hình người, nghe pháp ở bên đức Phật. Ngài có ơn làm thắm-nhuần đối với người, khiến ai ai cũng đều thấy hoan-hỷ. Hình tượng đứng của Ngài thì đầu đội mũ bảy con rồng. Tay phải cầm đao, tay trái cầm tợ.

18. Câu-lâu-la Vương: đồng với Ca-lâu-la Thiên. *Tỳ-Dụ Kinh* nói: Núi Hương-tuy có một cây đại-thụ, cao 40 dặm, gọi là cây thiết-xoa, thể của nó cứng như sắt. Trên cây có con chim diệu-xí với đôi cánh khi giang ra dài đến 360 dặm. Chim có thân hình người, đầu chim, đôi cánh là lông vũ, và có thêm hai tay đang làm động tác thổi sáo.

19. Khẩn-na-la Vương: Biệt-danh là Khẩn-đà-la, hoặc là Chân-đà-la; dịch là Ca-thần, hoặc Âm-nhạc Thiên. Trong *Tuệ-Lâm Âm-Nghĩa* có nói: “Chân-đà-la, tên xưa là Khẩn-na-la, là vị Thiên quản-ly về âm-nhạc, nên có những âm-hưởng vi-diệu, thường ca những khúc hát hay, múa điệu vũ đẹp. Thiên nam thì đầu ngựa mình người, thích ca hát. Thiên nữ thì đoan-chính, thích múa; họ là vợ của Càn-thát-bà.

Trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới, Thiên-tôn này ở phương bắc, bên ngoài viện Kim-cang bộ. Hình tượng làm người, vai mang trống, hai tay làm động tác đánh trống.

20. Ma-hầu-la già Vương: Ma-hầu-la-già Vương là tên chữ Phạn, dịch là Đại-mãng thần (con trăn lớn), một loại thần âm-nhạc, mình người đầu rắn. Ngài là quyến-thuộc của đức Thích-Ca, ở phương bắc, bên ngoài viện Kim-cang bộ của Thai-tạng giới. Bên ngực choàng áo trời. Thân hình có hai người ghép lại: bên trái bộ đầu cuốn như con rắn, tay phải kiết kiếm-ấn mà đứng; thân bên phải ngồi thối sáo. Xem hình tượng trong 28 bộ thì tay trái ôm đàn tỳ-bà, tay phải làm động tác đang gảy đàn.

21. A-tu-la Vương: vị này là một Phi-nhân. Hình tượng của Ngài có ba mặt sáu tay. Hai tay chắp lại; bên trái tay thứ hai cầm Nhật-ma-ni, tay thứ ba cầm cung. Bên phải, tay thứ hai bưng Nguyệt-ma-ni, tay thứ ba cầm mũi tên. Đầu tóc dựng cao, đôi mắt giận dữ; hiện tượng rất mạnh- bạo và hung-ác.

22. Kim đại Vương: lai lịch của vị Tôn-vương này chưa được rõ. Hình tượng của Ngài thì tay trái nắm lại đặt ở thắt lưng. Tay phải giơ lên cầm một cái trống.

23. Càn-thát-bà vương: vị này đã được nói rõ trong Thiên-bộ. Hình tượng của Ngài trong 28 bộ chúng thì tay trái để ở ngực, ngón cái và ngón áp út chụm vào nhau. Tay phải giơ lên, bàn tay cầm bánh xe vàng.

24. Bà-yết-la long-vương: vị này chữ Phạn gọi là An-già-la, dịch là Hàm-hải (biển mặn). Ngài làm chủ tể của những biển mặn. Hình tượng của Ngài thì đầu đội mũ năm đầu rắn, đầu tóc dựng cao. Tay phải cầm kiếm, tay trái nắm thân rắn, hiện hình tượng rất uy-dũng, mạnh bạo. Thân mặc giáp trụ rất oai phong.



Đức Mãn-Tiên vương
像 王 仙 滿

25. Kim-tỳ-la Vương: Vị thần-tướng này là một trong số 12 thần-tướng của đức Dược-Sư. Ở cương-vị ấy thì Ngài xưng là Cung-tỳ-la đại-tướng. Trong *Bảo-tích Kinh* nói: “Phật đi đến thành Vương-xá; giữa đường có một vị thần hộ-thành xưng là Kim-Tỳ-la Vương, quản lãnh sáu vạn tám ngàn chúng dược-xoa, cúng dường Phật-đà. Đức Phật bèn thọ ký cho Ngài mai sau sẽ thành đạo. Đó là chỗ xuất thân của Ngài”. Hình tượng của Ngài trong 28 bộ chúng thì tay trái cầm cung, tay phải cầm tên; hoặc tay phải nắm lại, tay trái co cánh tay, ngửa bàn tay lên; từ bàn tay này phóng ra một bửu-châu. Thân mặc giáp trụ rất oai phong.

26. Mãn-tiên-tử (H.102): Lai lịch của vị thần-vương này chưa được rõ. Tượng của Ngài trông rất là uy-vũ của một thiên-tướng. Tay trái cầm kích ba chĩa; tay phải để ở thắt lưng, cầm chày giống như cái trống.

27. Tán-chỉ đại-tướng (H.103): Biệt-danh của Ngài là Bán-chi-ca, dịch là Mật-thần, từng nhận mẹ bọn quý con làm vợ, sanh được 500 con. Ngài là quyến-thuộc của Tỳ-sa-môn Thiên, là một trong tám đại-tướng, thường cùng Thiên-vương qua lại xem xét các lãnh vực, bàn tính các điều lành dữ. Hình tượng của Ngài thì thân mặc giáp trụ,

tay trái duỗi; tay phải cầm kích cán dài. Tóc dựng ngược lên; hiện tướng rất giận dữ.

28. Tất-bà-già la-vương: Lai-lich của Ngài cũng chưa được biết rõ. Hình tượng đứng của Ngài trong 28 bộ chúng thì bàn tay trái nắm lại, tay phải cầm gậy báu.



Đức Tán-Chỉ Đại-tướng
像將大指散

IV. MƯỜI NỮ LA-SÁT CỦA BỒ-TÁT PHỔ-HIỀN

Trong mục này, La-sát là từ-ngữ gọi chung các ác-quỷ. Bọn họ rất nhiều. Có chỗ dịch là “đáng sợ”. Trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm Đà-la-ni, có nói: “Trong hội trường, Đức Thích-Ca giảng kinh *Pháp Hoa*, có nhiều quỷ La-sát đến dự. Họ một lòng một dạ ủng-hộ người trì kinh, đều nói đà-la-ni, rất được Như-Lai khen ngợi.

Mục này ghi rõ 10 nữ La-sát thường theo hầu Bồ-tát Phổ-Hiền. Nay theo bốn-thệ, hình tượng của họ được lược thuật như sau:

1. Lam-bà: dịch là Kiết-phược, tức trói buộc tất cả chúng sanh, mà họ tùy tiện sát hại. Đây là một nữ quỷ rất đáng sợ, nhưng sau khi đã quy-nhập Phật-giáo, bà tận dụng sở-trường của mình để trói buộc tất cả phiền-não, nên trở thành một vị thiện-thần. Bổn-địa của bà là Đức A-súc Như-Lai. Tay phải cầm kiếm, thân mặc giáp trụ.

2. Tỳ-lam-bà: dịch là Ly-phược. Nếu có người bị trói buộc, bà có thể tùy ý khiến họ được thoát ly, nên bà được gọi như vậy. Sau khi vào Phật-giáo, bà có thể xua đuổi tất kiết-sử của phiền-não, khiến người ta xa lìa khổ. Đây là một vị tôn-thần có đức. Bổn-địa của bà là Đức Bửu-sanh Như-Lai. Hình tượng của bà có hai tay đánh xập-xõa. Thân quấn áo trời.



Đức Khúc-Xỉ
像齒曲

3. Khúc-xỉ: dịch là Thí-tích. Như nghĩa chữ “Khúc” trong tên Ngài (“Khúc” là cong), hai hàm răng trong miệng Ngài cong ra lỏm-chớm khiến ai trông thấy cũng phải sợ-hãi. Sau khi vào Phật-giáo, được bao nhiêu của cải dồn chứa (Tích) Ngài đều đem cấp-phát (Thí) cho chúng-sanh, nên Ngài hoá thành một vị thiện-thần, và được gọi là Thí-tích. Bổn-địa của Ngài là Đức A-Di-Đà Như-Lai. Hình tượng của Ngài thì tay trái bưng đầy mâm quả. Tay phải đang ở tư-thế chọn phát. Thân mặc áo trời (H.104).

4. Hoa-xỉ: một tên khác của Ngài là Thí-hoa. Ngài tương phản với Khúc-xỉ: răng của vị này rất đều đặn, ngay ngắn, sắc diện trắng trẻo, đẹp đẽ như hoa, cho nên Ngài có tên là Hoa-xỉ. Bổn-địa của Ngài là Đức Bất-không Thành-tựu Như-Lai. Hình tượng của Ngài thì tay phải buông xuống, bàn tay mở ra hướng về phía trước. Tay trái cầm như-ý bửu-châu. Thân mặc áo trời.

5. Hắc-xỉ: một tên khác của vị này là Thí-hắc. Ngài có răng đen. Hiện tướng rất đáng sợ. Bổn địa của Ngài là Đức Đại-Nhật Như-Lai. Hình tượng của Ngài thì tay phải giơ lên để trước ngực, bàn tay mở hướng ra ngoài. Tay trái cầm phan.

6. Đa-phát: hoặc còn gọi là Thí-phát. Bổn-địa của Ngài là Đức Phổ-Hiền Bồ-tát. Hình tượng của Ngài thì tay phải cầm phan; tay trái giơ lên, bàn tay mở ra để trước ngực; lòng bàn tay hướng ra ngoài.



Đức Vô-Yếm Túc
隙足厭無

7. Vô-yếm túc (H.105): biệt-danh của Ngài là Vô-trước. Ngài chẳng chán ghét rất cả các chương-ngại của chúng- sanh. Ngài là một vị quý thần bạo ác, rất đáng sợ. Khi đã vào Phật-giáo, Ngài luôn nhớ đến chúng-sanh với lòng từ-thiện. Bổn-địa của Ngài là Đức Di-Lặc Bồ-tát.

8. Trì anh-lạc: Một tên khác là Trì-hoa. Ngài trông như đang ở trong tình-trạng đùa giỡn với hoa. Bổn-địa của Ngài là Đức Quán Thế-âm Bồ-tát.

9. Cao đế: một tên khác là Hà-sở. Ngài tự do, tự-tại đi lại ở các cõi trời và cõi người, chẳng luận nơi nào, nên gọi Hà-sở (hà: nơi nào?) Bổn-địa của Ngài không rõ.

10. Đoạt nhất thiết chúng-sanh tinh-khí: biệt-danh của Ngài là Thú-nhất-thiết-tinh. Như tên của Ngài cho thấy, đây là một vị đoạt giữ tất cả tinh-khí của chúng- sanh. Đó là một nữ quý cực-kỳ đáng sợ. Sau khi vào Phật-giáo, Ngài bèn đoạt phiền-não và ác-khí của chúng-sanh, từ đó Ngài trở thành một thiện-nữ nuôi lớn thiện-pháp Bồ-đề.

V. TÁM ĐẠI ĐỒNG-TỬ CỦA BỒ-TÁT VĂN-THÙ

Phụ thuộc vào Ngài Văn-Thù Bồ-tát có tám đồng-tử gọi là tám đại Đồng-tử, hoặc tám Trí-tôn để biểu thị, tượng trưng cho công-đức của Bát Tự Văn-Thù, phối trí nơi viện tám cánh hoa. Pháp tu dùng bản thể này nhằm mục-đích ngăn chặn tai-họa, kéo dài tuổi thọ và đổi lòng ác ma. Tám đại đồng-tử này, dựa theo phương-vị của họ, thứ tự được sắp xếp như sau:

1. Phương đông-bắc là Kế-thiết-ni;
2. Phương đông-nam là Ô-ba-kế thiết-ni;
3. Phương đông là Chất-đa-la;
4. Phương tây-nam là Địa-tuệ;
5. Phương bắc là Thỉnh-triệu;
6. Phương nam là Quang-võng;
7. Phương tây là Vô-cấu quang.
8. Phương tây-bắc là Bất tư-nghị tuệ.

Tám vị ở chung quanh, bốn tôn ở giữa.

Nay xin được lược-thuật về tám đại Đồng-tử này như sau:

1. Kế-thiết-ni đồng-tử: chiếm vị trí thứ nhất bên trái của viện Văn-thù, trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới. Tay phải cầm kiếm, tay trái cầm cành sen nhỏ. Ngài ngồi trên hoa sen đỏ. Thân mang sắc vàng, đầu kết ba búi tóc, dùng anh-lạc, xuyên đeo tay để trang sức. Danh hiệu Kế-thiết-ni tức là nói tóc đẹp đoan-nghiêm, chủ đức phát-tâm vô-tướng của Đức Văn-Thù.



Đức Ô-Ba Kế-Thiết-Ni Đồng-tử
像子童尼設計婆烏

2. Ô-ba Kế-thiết-ni đồng tử (H.106): vị này giữ vị trí thứ hai bên trái viện Văn-thù trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới. Tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm kích một mũi nhọn. Thân màu vàng, đầu kết ba búi tóc; chủ phát dương-đức hay bố-thí của Đức Văn-Thù.

3. Chất-đa-la đồng-tử: vị này chiếm vị trí thứ ba bên trái viện Văn-Thù trong Mạn-trà-la của Thai-tạng giới. Tay phải cầm gậy, trên đầu gậy có mặt trăng tròn, trên mặt trăng có hình các ngôi sao. Tay trái cầm cành sen xanh nhỏ. Thân Ngài màu vàng, trên đầu kết ba búi tóc, chủ định đức của sắc-thân Ngài Văn-Thù.

4. Địa-tuệ đồng-tử: vị này chiếm vị-trí thứ tư bên trái viện Văn-thù, cũng như trước. Tay trái cầm cành sen xanh nhỏ. Tay phải cầm cây kích một mũi nhọn, trên mũi nhọn cây kích có treo một tràng-phan. Thân vị này màu vàng, đầu kết ba búi tóc; chủ đức giàu có, nhiều của-cải của Bồ-tát Văn-

Thù.

5. Thỉnh-triệu đồng-tử: vị này giữ vị trí thứ nhất bên phải viện Văn-thù. Tay phải cầm kích một mũi nhọn, tay trái cầm cành sen xanh nhỏ. Thân Ngài màu vàng, đầu kết ba búi tóc. Bổn-thệ của đồng-tử này là triệu-thỉnh tất cả chúng-sanh khiến họ có thể vào đạo Bồ-đề (H.107).

6. Quang-võng đồng-tử: vị này chiếm vị trí thứ hai bên phải viện Văn-thù. Tay trái cầm hoa sen xanh nhỏ, tay phải cầm tơ, ngồi trên hoa sen đỏ. Thân màu vàng, đầu kết ba búi tóc; chủ phước-đức của Ngài Văn-thù. Trong biển lớn sanh tử, giăng rộng lưới đại-bi để kiểm-điểm căn-cơ của chúng sanh, để cho họ được thấy mặt trời của pháp-giới.

7. Vô-cấu quang đồng-tử: vị này ở vị trí thứ ba bên phải của viện Văn-thù. Tay trái cầm hoa sen chưa nở, tay phải cầm bầu châu đặt ở trước rốn. Thân màu vàng, đầu kết ba búi tóc. Đồng-tử này biểu-thị trí-huệ thanh-tịnh vô-cấu của Đức Văn-Thù.

8. Bất tư-nghì tuệ đồng-tử: vị này giữ vị-trí trung ương của năm vị phụng giáo, ở đầu mỗi phía nam của viện Văn-thù. Ngài bày tỏ tư-tưởng tổng-danh của Ngũ tôn. Hình tượng của vị



Đức Thỉnh-Triệu Đồng-tử
像子童召請

này, hai tay cầm gậy báu, trên đầu gậy có hình bán nguyệt, trên hình bán nguyệt có hình các ngôi sao. Dáng quỳ trên hoa sen, thái độ rất cung kính.

VI. TÁM ĐẠI ĐỒNG-TỬ BẤT-ĐỘNG

Hai bên tả hữu của Bất Động Minh-vương có hai vị Chế-sa-ca và Căng-yết-la. Cùng với sáu đồng-tử nữa, hai vị này cùng xưng là Bát Đại Kim-cang đồng-tử. Các đồng-tử này đều có tứ-trí và đức phần của bốn ba-la-mật: chư vị đều là quyến-thuộc của Bất-Động Minh-vương, vây quanh để hộ-vệ cho vị Vương này. Nhân vì chư-vị này thường hầu hai bên tả hữu của đức Bất-Động cho nên các đồng-tử này được xem là rất quan-trọng. Nay xin được lược-thuật tám đại đồng-tử này như sau:



Đức Tuệ-Quang Đồng-tử
像子童光慧

1. Tuệ-quang đồng-tử (H.108): hình tượng của vị này dung-mạo hơi phần-nộ, đầu đội mũ trời. Thân màu trắng vàng. Tay phải cầm chày kim-cang năm trí; tay trái cầm cành hoa sen, trên có mặt trăng.

2. Tuệ-hỷ đồng-tử: tay trái cầm bửu-châu Ma-ni, tay phải cầm chày ba mũi nhọn. Vị này dùng áo trời tốt đẹp và các anh-lạc để biểu thị sự trang-nghiêm.

3. A-nậu-đa đồng-tử: A-nậu-đa là âm Phạn, dịch là Vô-nhiệt. Vị này thân màu vàng ròng như Phạm-thiên vương; đầu đội mũ Kim-xí điều vương. Tay trái cầm hoa sen hồng, tay phải cầm chày một mũi nhọn, ngự trên lưng con rồng xanh lớn.

4. Chỉ-đức đồng-tử: hình-thể vị này vừa xứng với dạ-xoa, mặt có ba mắt. Thân mặc giáp trụ, hiện tượng rất dũng-mãnh.

Tay trái cầm yết-ma Kim-cang, tay phải cầm kích ba mũi nhọn.

5. Ô-câu-bà-nga đồng-tử (H.109): thân màu kim-cương, hiện tượng rất bạo ác, đầu đội mũ năm gù. Tay trái cầm chày ba chấu, tay phải nắm chặt lại (theo cách Kim-cang quyền), áp sau lưng.

6. Thanh-tịnh tỳ-khư: Theo như tên gọi, vị đồng-tử này hình tỳ-khư, thân mặc áo cà-sa, bày vai bên trái. Tay trái cầm cái tráp Phạn, tay phải để ở tim, trong tay cầm chày năm chấu. Răng hàm trên lộ ra che khuất môi dưới.

7. Căng-yết-la đồng-tử: là một vị hầu cận thường thấy, Căng-yết-la dịch là ‘tùy thuận’. Hình tượng của vị đồng-tử này xứng với Mãn-nguyệt đồng-tử: đầu đội mũ hoa sen; thân màu da trắng. Hai tay chắp lại, một trong hai tay cầm chày một đầu nhọn. Chày đặt ngang giữa khoảng ngón cái và ngón trỏ. Thân mặc áo cà-sa, dùng áo trời mỹ-lệ và anh-lạc để tăng thêm phần trang-nghiêm.



Đức Ô-Câu-Bà-Nga Đồng-tử
像子童我婆俱烏

8. Chế sá-ca đồng-tử (H.110): cũng là một vị hầu cận thường thấy. Thân màu như sen hồng, trên đầu kết năm búi tóc để biểu-thị năm trí. Tay trái cầm chày ba mũi nhọn, tay phải cầm gậy kim-cang. Nhân vì đồng-tử có tánh ác, hay nổi giận, nên chẳng mặc áo cà-sa.



Đức Chế-Sá-Ca Đồng-tử
像子童迦吒制

VII. MƯỜI SÁU VỊ LA-HÁN

Tên chữ Phạn là A-la-ha, hoặc A-la-hán, dịch là Sát-tặc, Ứng-cúng hoặc Bất-sanh. Sát-tặc là ý nói giết giặc phiền-não mà phanng thấy ra. Ứng-cúng là ý bày tỏ nhà của chư-vị có tư-cách được người trời tối cao đến cúng dường. Bất-sanh là ý nói chẳng phải chịu cảnh khổ vì sanh tử nữa. Sở dĩ gọi mười sáu La-hán vì trong *Pháp Trú Ký* có nói: chữ Phạn A-la-hán dịch là ‘vô-học’, tức có ý nói đã dứt hết sanh tử, được pháp không thể học. Vô sanh là dứt hết kiến-hoặc và tư-hoặc, thoát khỏi luân hồi trong ba cõi. Ứng-cúng là có đủ tư-cách được Trời, Người cúng dường. Sát-tặc là có khả năng giết được giặc phiền-não. Chư vị đều có tam-minh, lục-thông, vô-lượng công-đức cho nên được gọi là Đại-la-hán. Chư vị A-la-hán này vâng lệnh Phật, dùng sức thần-thông của mình có thể tự kéo dài tuổi thọ, trú trong nhân-gian, bảo vệ chánh-pháp, đến nay vẫn chưa nhập-diệt. Khi người thế-gian lập hội đại-thí nơi lộ thiên thì chư-vị cùng các quyến-thuộc đến trước, nhận sự cúng dường ấy, khiến cho thí chủ được phước quả. Đó là 16 vị A-la-hán.

Nhưng xưa nay, truyền thuyết nói có hai loại, tên gọi cũng chẳng thống-nhất. Một loại, theo Kinh A-Di-Đà thì chư-vị ấy đều là đệ tử cao của đức Thế-tôn. Danh-tánh các vị này là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ca-chiên-diên, Cấu-đế-la, Ly-bà-đa, Châu-lợi bàn-già, Nan-đà, A-nan-đà, La-hầu-la, Kiều-phạm ba-đề, Tân-đâu-lô-phả la-đọa Ca-lưu-đà-di, Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la. A-sưu-lâu-đà gồm 16 vị. Một loại khác theo kinh *Pháp Trú Ký* cũng nói giống như kinh A-Di-Đà: chư vị này nhận lệnh của Phật, vĩnh-viễn đi lại trong cuộc đời, làm bậc thánh để bảo-vệ chánh-pháp. Tên các vị này là Tân-độ-la-bạt-la-đọa-xà, Ca-nặc-ca-phạt-sa, Ca-nặc-ca-bạt-ly-đọa-xà, A-bí-đặc, Ba-cổ-la, Bạt-đà-la, Ca-lý-ca, Phạt-xa-la phát-đa-la, Tuất-bác-ca, Bán-thác-ca, La-hổ-la, Na-già-tê-na, Nhân-yết-đà, Phạt-na-bà-tư, A-thị-đa, Chú-trà-bán-thác-ca, gồm mười sáu vị.



Đức Độ-La Tôn-giả
像者尊羅度賓

Xem hình tượng của chư- vị thì từ xưa nay, tùy theo tài vẽ của các họa-sĩ mà phóng tác ra. Do đó có rất nhiều loại hình khác nhau. Nay xin được thuật sơ-lược như sau:

1. Tân-độ-la-bạt-la-đọa-xà tôn-giả: Hai chữ Tân-độ trong danh hiệu của vị này có nghĩa là Bất-động. Ngài có một ngàn A-la-hán quyến thuộc đi theo. Ngài trú ở Tây cù-đa-ni châu, thủ hộ Phật-pháp (H.111, trang trước).

2. Ca-nặc-ca-phạt-sa tôn-giả: Vị này có năm trăm A-la-hán quyến thuộc đi theo. Ngài trú ở Ca-thấp-di-la quốc ở phương bắc. Nhiệm vụ của Ngài là ủng-hộ Phật-pháp ở địa-phương ấy.

3. Ca-nặc-ca-bạt-ly-đọa-xà tôn-giả: Vị này có sáu trăm A-la-hán quyến thuộc đi theo. Ngài trú ở địa phương Đông thảng thần châu.

4. A-bí-đặc tôn-giả: Vị này có bảy trăm A-la-hán quyến thuộc đi theo. Ngài trú ở Bắc cu lô châu, chuyên bảo-vệ Phật-pháp.



Đức Bạt-Ni-La Tôn-giả
像者尊羅尼跋

noa châu, thủ hộ Phật-pháp.

9. Tuất-bác-ca tôn giả: Vị tôn-giả này có chín trăm A-la-hán quyến thuộc đi theo. Ngài thường trú trong núi Hương-túy, thủ hộ Phật-pháp.

10. Bán-thác-ca tôn-giả: Vị tôn-giả này có tổng cộng một ngàn ba trăm A-la-hán, trú tại 33 cõi trời, thủ-hộ Phật-pháp ở các cõi trời đó (H.113).

11. La-hỗ-la tôn-giả: Vị tôn-giả này có cả thảy một ngàn A-la-hán quyến thuộc, thường trú tại Tất-lợi dương châu, thủ-hộ Phật-pháp.

12. Na-già-tê-na tôn-giả: Vị tôn-giả này có một ngàn hai trăm A-la-hán, cư trú tại núi Bán-độ-ba, thủ-hộ Phật-pháp.

13. Nhân-yết-đà tôn-giả: Vị tôn-giả này có một ngàn ba trăm A-la-hán quyến-thuộc, cư trú trong núi Quảng-hiệp, thủ-hộ Phật-pháp.

14. Phật-na-bà-tư tôn-giả: Vị tôn-giả này có một ngàn bốn trăm A-la-hán, cư trú trong núi Khả-trú, bảo-hộ Phật-pháp bao quát cả miền.

15. A-thị-đa tôn-giả: Vị tôn-giả này có một ngàn năm trăm A-la-hán, cư-trú trong núi Thứu-phong, thủ-hộ Phật-pháp.

5. Ba-cổ-la tôn-giả: Vị này có tám trăm A-la-hán quyến thuộc đi theo. Ngài trú ở Nam thiêm bộ châu, thủ hộ Phật-pháp bao quát cả miền.

6. Bạt-đà-la tôn-giả (H.112 với danh hiệu Bạt-ni-la): Danh hiệu này dịch là Hảo-hiền. Ngài có chín trăm A-la-hán quyến thuộc đi theo. Ngài trú ở Đam-một-la châu, chuyên thủ hộ Phật-pháp bao cả miền.

7. Ca-lý-ca tôn-giả: Ngài có một ngàn A-la-hán quyến thuộc đi theo, thường trú tại Tăng-ca-trà châu, chuyên thủ-hộ Phật-pháp bao quát cả miền.

8. Phật-xa-la phát-đa-la tôn-giả: Ngài có một ngàn A-la-hán quyến-thuộc đi theo. Ngài thường trú tại Bát-thứ-



Đức Bán-Thác-Ca Tôn-giả
像者尊迦吒半

16. Chú-trà-bán-thác-ca tôn-giả: Vị tôn-giả này có một ngàn sáu trăm A-la-hán quyến thuộc, cư trú trong núi Trì-trục, thủ hộ Phật-pháp.

